

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận
tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật về giống, sản phẩm, quy trình sản xuất, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý trong nông nghiệp (sau đây viết tắt là tiến bộ kỹ thuật).

2. Thông tư này không điều chỉnh các nội dung sau:

- a) Công nhận giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản;
- b) Khảo nghiệm, thử nghiệm, đăng ký lưu hành vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp.

Điều 3. Cơ quan thực hiện

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Tổng cục, Cục thuộc Bộ tiếp nhận hồ sơ, xem xét công nhận hoặc hủy bỏ tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý:

1. Tổng cục Thủy sản đối với lĩnh vực thủy sản.
2. Tổng cục Thủy lợi đối với lĩnh vực thủy lợi.
3. Tổng cục Lâm nghiệp đối với lĩnh vực lâm nghiệp.
4. Tổng cục Phòng, chống thiên tai đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.
5. Cục Trồng trọt đối với lĩnh vực trồng trọt.
6. Cục Bảo vệ thực vật đối với lĩnh vực bảo vệ thực vật, phân bón và an toàn thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật.
7. Cục Chăn nuôi đối với lĩnh vực chăn nuôi.
8. Cục Thú y đối với lĩnh vực thú y và an toàn thực phẩm có nguồn gốc từ động vật.
9. Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản đối với lĩnh vực chế biến, bảo quản nông sản và phát triển thị trường nông sản.
10. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đối với lĩnh vực sản xuất muối, cơ điện, ngành nghề nông thôn, giải pháp tổ chức sản xuất và xây dựng nông thôn mới.
11. Cục Quản lý xây dựng công trình đối với lĩnh vực xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Chương II

CÔNG NHẬN TIỀN BỘ KỸ THUẬT

Điều 4. Tiêu chí công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Tiêu chí đối với tiến bộ kỹ thuật công nhận lần đầu:
 - a) Có tính mới, tính sáng tạo, tính ổn định và khả năng cạnh tranh cao;
 - b) Đảm bảo chất lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường, có triển vọng mở rộng sản xuất.
2. Tiêu chí đối với tiến bộ kỹ thuật tương tự tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này và có hiệu quả kinh tế cao hơn ít nhất 10% so với tiến bộ kỹ thuật tương tự đã được công nhận.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký, tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ, công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Hồ sơ đăng ký

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân đăng ký) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Điều 3 Thông tư này (sau đây viết tắt là cơ quan có thẩm quyền). Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Báo cáo kết quả nghiên cứu tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản nhận xét ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất của tối thiểu 03 tổ chức hoặc cá nhân theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này. Bản nhận xét của cá nhân phải được cơ quan hoặc địa phương nơi cá nhân sinh sống hoặc công tác xác nhận.

2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

3. Thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng tư vấn thẩm định tiến bộ kỹ thuật (sau đây viết tắt là hội đồng). Thành phần, phương thức, trình tự thẩm định của hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định thành lập hội đồng, cơ quan có thẩm quyền tổ chức họp thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật.

4. Công nhận tiến bộ kỹ thuật

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về các nội dung cần hoàn thiện (nếu có) đến tổ chức, cá nhân đăng ký;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức, cá nhân đăng ký hoàn thiện hồ sơ gửi về cơ quan có thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện, cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không công nhận tiến bộ kỹ thuật phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đăng ký;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, cơ quan có thẩm quyền đăng tải Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 6. Thành phần, phương thức, trình tự phiên họp của hội đồng

1. Thành phần hội đồng

a) Hội đồng có 07 thành viên gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký và các ủy viên; trong đó có 01 thành viên đại diện tổ chức, địa phương nơi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật;

b) Những người không được tham gia hội đồng: tác giả, đồng tác giả đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật.

2. Phương thức hoạt động

a) Trước phiên họp ít nhất 07 ngày làm việc, thành viên hội đồng được cung cấp toàn bộ hồ sơ;

b) Phiên họp của hội đồng phải có mặt tối thiểu 05 thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch, ủy viên thư ký và tối thiểu 01 ủy viên phản biện. Trường hợp 01 ủy viên phản biện vắng mặt, phải gửi ý kiến đánh giá bằng văn bản;

c) Thành viên hội đồng đánh giá tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Hội đồng đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật khi có tối thiểu 05 thành viên theo danh sách tại Quyết định thành lập hội đồng đánh giá ở mức “Đạt”;

đ) Trong trường hợp cần thiết, hội đồng đề nghị cơ quan có thẩm quyền thành lập đoàn để thẩm định, đánh giá hiện trường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Biên bản thẩm định, đánh giá hiện trường được lập theo Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Thành viên hội đồng phải trung thực, khách quan, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng.

3. Trình tự phiên họp của hội đồng

a) Ủy viên thư ký đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch hội đồng (hoặc phó chủ tịch hội đồng) điều khiển phiên họp;

c) Ủy viên phản biện đọc nhận xét; các thành viên hội đồng nêu ý kiến nhận xét tiến bộ kỹ thuật; ủy viên thư ký đọc ý kiến đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng tham khảo;

d) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 3 người là ủy viên hội đồng, trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và 2 thành viên;

đ) Thành viên hội đồng đánh giá, bỏ phiếu công nhận tiến bộ kỹ thuật;

e) Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Hội đồng công bố kết quả kiểm phiếu và thông qua biên bản làm việc của hội đồng theo Mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Hủy bỏ quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Tiến bộ kỹ thuật bị hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không được ứng dụng vào sản xuất trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm rà soát;

b) Có sự gian lận hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền kết luận.

2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức rà soát, ban hành Quyết định hủy bỏ tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, cơ quan có thẩm quyền đăng tải Quyết định hủy bỏ tiến bộ kỹ thuật trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 8. Ban hành Danh mục tiến bộ kỹ thuật

1. Hàng năm, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ trưởng ban hành Danh mục tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đăng tải Danh mục tiến bộ kỹ thuật trên cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổng hợp, báo cáo hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng về hoạt động công nhận tiến bộ kỹ thuật;

b) Tổng hợp trình Bộ trưởng ban hành Danh mục tiến bộ kỹ thuật.

2. Các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký tiến bộ kỹ thuật; công nhận, hủy bỏ tiến bộ kỹ thuật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong hoạt động công nhận tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý;

c) Tổng hợp, báo cáo hàng năm hoặc đột xuất về hoạt động công nhận tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý;

d) Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm gửi danh sách tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổng hợp, trình Bộ trưởng ban hành Danh mục tiến bộ kỹ thuật;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công nhận hoặc hủy bỏ tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo triển khai và giám sát việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận tại địa phương.